

Chi tiết mã HS 8418.50.91

Mã HS	8418.50.91
Mô tả hàng hóa	Tủ lạnh, tủ kết đông (1) và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác, loại dùng điện hoặc loại khác; bơm nhiệt trừ máy điều hòa không khí thuộc nhóm 84.15 / - Loại có kiểu dáng nội thất khác (tủ, tủ ngăn, quầy hàng, tủ bày hàng và loại tương tự) để bảo quản và trưng bày, có lắp thiết bị làm lạnh hoặc kết đông: / - - Loại khác: / - - - Loại phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 13:21:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84185091/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13357
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13357
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13357
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-BN, LA)	0% (trừ BN, LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPa	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	2,7	2,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	7.5	7,5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12647
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12588
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12588
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12588
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12588
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12588
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12588
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12642
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12642
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12642
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12642

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12642
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12642
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12643
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12643
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12643
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12643
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12643
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12643
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12646
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12594
AIFTA	30/12/2022	2022	8	AI!F12602
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	7.5	AI!G12602
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	7.5	AI!H12602
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	7.5	AI!I12602
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	7.5	AI!J12602
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	7.5	AI!K12602
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12633
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12633
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12633
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12633
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12633
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12633
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12682
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12682
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12682
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12682

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12682
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12682
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12665
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12665
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12665
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12665
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12665
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12665
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D12665
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E12665
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F12665
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G12665
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H12665
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12665
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D12680
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E12680
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F12680
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12680
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12680
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12680
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D12679
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E12679
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F12679
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12679
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12679
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12679

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12659
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12659
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12659
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12659
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12659
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12659
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12659
RCEP A	2022	2022	4,5	RCEPT-A!D12667
RCEP A	2023	2023	4	RCEPT-A!E12667
RCEP A	2024	2024	3,5	RCEPT-A!F12667
RCEP A	2025	2025	3	RCEPT-A!G12667
RCEP A	2026	2026	2,5	RCEPT-A!H12667
RCEP A	2027	2027	2	RCEPT-A!I12667
RCEP B	2022	2022	4,5	B!D12667
RCEP B	2023	2023	4	B!E12667
RCEP B	2024	2024	3,5	B!F12667
RCEP B	2025	2025	3	B!G12667
RCEP B	2026	2026	2,5	B!H12667
RCEP B	2027	2027	2	B!I12667
RCEP C	2022	2022	4,5	C!D12667
RCEP C	2023	2023	4	C!E12667
RCEP C	2024	2024	3,5	C!F12667
RCEP C	2025	2025	3	C!G12667
RCEP C	2026	2026	2,5	C!H12667
RCEP C	2027	2027	2	C!I12667
RCEP D	2022	2022	4,5	D!D12666

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	4,1	D!E12666
RCEP D	2024	2024	3,6	D!F12666
RCEP D	2025	2025	3,2	D!G12666
RCEP D	2026	2026	2,7	D!H12666
RCEP D	2027	2027	2,3	D!I12666
RCEP E	2022	2022	4,5	E!D12670
RCEP E	2023	2023	4	E!E12670
RCEP E	2024	2024	3,5	E!F12670
RCEP E	2025	2025	3	E!G12670
RCEP E	2026	2026	2,5	E!H12670
RCEP E	2027	2027	2	E!I12670
RCEP F	2022	2022	4,5	F!D12667
RCEP F	2023	2023	4	F!E12667
RCEP F	2024	2024	3,5	F!F12667
RCEP F	2025	2025	3	F!G12667
RCEP F	2026	2026	2,5	F!H12667
RCEP F	2027	2027	2	F!I12667
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11735
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11735
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11735
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11735

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 7,5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8418.50 có 4 dòng thuế; dòng 8418.50.91 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm.	8418.50.11 Loại phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm; 8418.50.19 Loại khác; 8418.50.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8418.50.91. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8418.50.91 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13357), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.